TAND HUYỆN CHÂU THÀNH **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **176/**2017/QĐST-HNGĐ

Châu Thành, ngày 30 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 229/2017/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Thái Kim H,** sinh năm 1960.

Địa chỉ: KP3, thị trấn DĐ, huyện PQ, tỉnh KG.

- Bị đơn: Ông **Trần Trung M,** sinh năm 1963.

Địa chỉ: Khu phố MP, TT ML, huyện CT, tỉnh KG.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2017 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 229/2017/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự tự thỏa thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Thái Kim H**,** sinh năm 1960; Địa chỉ: Địa chỉ: KP3, thị trấn DĐ, huyện PQ, tỉnh KG và ông Trần Trung M**,** sinh năm 1963; Địa chỉ: Khu phố MP, TT ML, huyện CT, tỉnh KG.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Thái Kim H và ông Trần Trung M đều thống nhất thuận tình ly hôn;

- *Về việc nuôi con chung:* Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Do hòa giải thành nên bà Thái Kim H và ông Trần Trung M mỗi người phải nộp số tiền 75.000 đồng tiền án phí thuận tình ly hôn. Bà H tự nguyện nộp thay cho ông M số tiền 75.000 đồng, do đó bà H phải nộp số tiền 150.000 đồng tiền án phí, bà H được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0009872 ngày 15/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Bà H được nhận lại 150.000 đồng tiền án phí còn thừa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Mai Tấn Đẩu